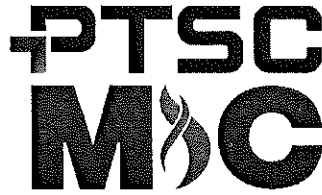


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



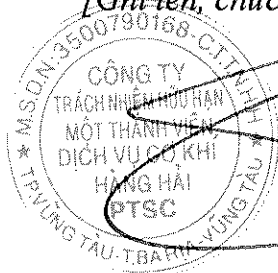
HỒ SƠ MỜI THẦU
MUA SẴM HÀNG HÓA QUA MẠNG
(Không áp dụng Luật đấu thầu)

<u>Số hiệu gói thầu và số thông báo mời thầu (nếu có):</u>	IB 2500313555
<u>Tên gói thầu:</u>	MUA 1 MÁY ĐO NỒNG ĐỘ FERRIT
<u>Dự án:</u>	ĐẦU TƯ MÁY MÓC THIẾT BỊ PHỤC VỤ THI CÔNG CÁC DỰ ÁN
<u>Phát hành ngày:</u>	11./07/2025
<u>Ban hành kèm theo Quyết định:</u>	..915..../2025/QĐ-CKHH-KH-ALL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10. tháng 07 năm 2025

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



GIÁM ĐỐC
Cổ Ngọc Quý

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu và dữ liệu chào thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương III. Biểu mẫu mời thầu

Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VNĐ	đồng Việt Nam
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU VÀ DỮ LIỆU CHÀO THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC. 1.2. Tên gói thầu: “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit”.
2. Nguồn vốn	Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu Công ty.
3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	Nhà thầu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Sửa đổi, làm rõ HSMT	4.1. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cung cấp hoặc các nội dung yêu cầu khác, Chủ đầu tư sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc. 4.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét. Sau khi nhận được đề nghị làm rõ của nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ xem xét trả lời làm rõ nếu thấy cần thiết. Trường hợp Chủ đầu tư đánh giá không cần thiết phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư có thể không cần gửi trả lời làm rõ đến nhà thầu. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 4.1 - CDNT.
5. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu kỹ thuật, bổ trợ trong HSDT (đề xuất kỹ thuật, catalô...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác như Tiếng Anh. Trường hợp cần bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
6. Thành phần của HSDT	HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 6.1. Đơn dự thầu; 6.2. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13 - CDNT; 6.3. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 11 - CDNT; 6.4. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 10 - CDNT; 6.5. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại các Mẫu số 10, 11, 12, 13 – Chương III; 6.6. Các nội dung khác theo quy định tại HSMT.



<p>7. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>7.1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu chào là giá do nhà thầu chào trong Đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) và giảm giá (nếu có).</p> <p>b) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục yêu cầu”, “Mô tả dịch vụ yêu cầu” theo các Mẫu số 11, 12, 13 - Chương III.</p> <p>7.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>7.3. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
<p>8. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VNĐ.</p>
<p>9. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT</p>	<p>9.1. Nhà thầu chuẩn bị một bộ HSDT (bản scan + bản soạn thảo word/excel/...) khi tham gia dự thầu qua mạng.</p> <p>9.2. Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 - Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ).</p> <p>9.3. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, nên đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có), biểu giá và các biểu mẫu khác yêu cầu đại diện hợp pháp của nhà thầu ký theo hướng dẫn tại Mục 9.2 - CDNT.</p> <p>9.4. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký Đơn dự thầu) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).</p>
<p>10. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</p>	<p>10.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương IV. Các tài liệu này là một phần của HSDT.</p> <p>10.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng.</p> <p>10.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ</p>

	<p>nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>10.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....</p> <p>10.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 11 Chương III. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.</p> <p>10.6. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV.</p>
<p>11. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương III để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương II.</p>
<p>12. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</p>	<p>12.1. Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>12.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày).</p>
<p>13. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>13.1. Giá trị bảo đảm dự thầu: 2.900.000 VNĐ (<i>Bằng chữ: Hai triệu, chín trăm nghìn đồng</i>).</p> <p>13.2. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>13.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 03.A và Mẫu số 03.B - Chương III).</p> <p>13.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong vòng 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.</p>

	<p>13.5. Nhà thầu sẽ không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không tuân thủ theo các cam kết trong HSDT; - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.
14. Thời điểm đóng thầu	<p>14.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách thông báo gia hạn trên Hệ thống. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
15. Nộp HSDT	<p>HSDT (bản scan + bản soạn thảo word/excel/...) phải được nhà thầu đăng tải trên Hệ thống trước thời điểm đóng thầu.</p>
16. Mở thầu	<p>Chủ đầu tư tiến hành mở thầu trên Hệ thống sau thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu.</p>
17. Bảo mật	<p>Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p>

<p>18. Làm rõ HSDT</p>	<p>18.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.</p> <p>18.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống hoặc bằng văn bản.</p> <p>18.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ.</p> <p>18.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 18.1 - CDNT.</p> <p>18.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>18.6. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>
<p>19. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 6.</p> <p>19.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản.</p> <p>19.3. Chủ đầu tư phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 10 và Mục 11 - CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong HSMT đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>19.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>20. Sửa lỗi</p>	<p>Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>20.1. Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p>

	<p>20.2. Các lỗi khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 21 - CDNT; - Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT; - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Chủ đầu tư cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại; - Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền; - Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.
<p>21. Hiệu chỉnh các sai lệch</p>	<p>21.1. Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch;</p> <p>Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:</p> <p>Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSMT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSMT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.</p> <p>Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu này; trường hợp HSMT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.</p> <p>21.2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh</p>

	<p>sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong Đơn dự thầu.</p>
<p>22. Đánh giá HSDT</p>	<p>22.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá HSDT theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Giá thấp nhất. <p>22.2. Quy trình đánh giá HSDT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 - Chương II</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 - Chương II.</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 - Chương II.</p> <p>Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - d1. Xác định giá dự thầu (chưa tính giảm giá); - d2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại Mục 20 - CDNT); - d3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại Mục 21 - CDNT); - d4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có); - d6. Xếp hạng nhà thầu; <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo, đàm phán hợp đồng theo quy định (nếu cần). Nhà thầu được mời vào thương thảo không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.</p>
<p>23. Điều kiện xét duyệt được lựa chọn</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị được lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>23.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 - Chương II;</p> <p>23.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 - Chương II;</p> <p>23.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 - Chương II;</p> <p>23.4. Nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.</p> <p>23.5. Có giá đề nghị được lựa chọn (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.</p>

<p>24. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ</p>	<p>24.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong Chương III với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 50% và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT.</p> <p>24.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng hàng hóa, dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương III với nhà thầu đã trúng thầu theo quy định khối lượng mua thêm không vượt 50% của khối lượng hạng mục tương ứng nêu trong hợp đồng; có dự toán được phê duyệt đối với khối lượng mua thêm; đơn giá của hàng hóa, dịch vụ mua thêm không được vượt đơn giá của các hàng hóa, dịch vụ tương ứng trong hợp đồng.</p>
<p>25. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>25.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>25.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, thương thảo hợp đồng.</p>
<p>26. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>26.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị 5% giá hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng Mẫu số 15 - Chương III hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>26.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có đơn dự thầu hợp lệ theo quy định tại Mục 9.2 – CDNT;
 2. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 – CDNT;
 3. Có bảo đảm dự thầu hợp lệ theo quy định tại Mục 13 – CDNT;
 4. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư;
 5. Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 12 – CDNT;
 6. HSDT có đầy đủ thành phần tài liệu theo quy định tại mục 6 – CDNT.
- Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VNĐ thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VNĐ để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá mua chuyển khoản quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành; nhà thầu không vi phạm quy định của Hồ sơ mời thầu và không bị tịch thu bảo đảm dự thầu đối với các gói	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 04B

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		thầu của Chủ đầu tư trong thời gian 12 tháng trước thời điểm đóng thầu.				
2	Năng lực tài chính (Nhà thầu phải cung cấp báo cáo tài chính và các tài liệu chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bao gồm tờ khai quyết toán thuế, chứng từ nộp thuế, hoặc xác nhận không nợ thuế của cơ quan thuế – nếu có. Trường hợp không cung cấp đầy đủ hoặc không chứng minh được sẽ bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính)					
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2.2	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 435.000.000 VNĐ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp hàng hóa với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó: - Hàng hóa của hợp đồng: Máy móc thiết bị công nghiệp. - Giá trị của phần đã thực hiện của nhà thầu trong từng hợp đồng tối thiểu: 145.000.000 VNĐ . (Nhà thầu phải cung cấp kèm theo Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, hóa đơn... liên quan đến hàng hóa đã hoàn thành)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 04A

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Trường hợp HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 05, 06, 07 Chương III. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 05 Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt
(Không áp dụng)**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽²⁾	Chứng chỉ/ Trình độ chuyên môn ⁽³⁾
1			tối thiểu ___ năm hoặc tối thiểu ___ hợp đồng	
2			tối thiểu ___ năm hoặc tối thiểu ___ hợp đồng	
3				
...				

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 05, 06, 07 Chương III.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Chủ đầu tư đánh giá các nội dung về yêu cầu kỹ thuật sử dụng tiêu chí “Đạt/Pass”, “Chấp nhận được/Acceptable”, “Không đạt/Fail”.

Các tiêu chí chung từ Mục 1 đến Mục 7 được đánh giá là “ĐẠT/PASS” khi các tiêu chí chi tiết được đánh giá là “Đạt/Pass” hoặc “Chấp nhận được/Acceptable”.

Các tiêu chí chung từ Mục 1 đến Mục 7 được đánh giá là “KHÔNG ĐẠT/ FAIL” khi có bất kỳ tiêu chí chi tiết được đánh giá là “Không đạt/Fail”.

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí chung từ Mục 1 đến Mục 7 đều được đánh giá là “ĐẠT/PASS”.

Bảng dưới đây là các tiêu chí (bao gồm tiêu chí chung và tiêu chí chi tiết) để đánh giá về kỹ thuật. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung một số tiêu

chỉ chi tiết khác có thể đánh giá “chấp nhận được” ngoài các tiêu chí chi tiết bên dưới, nhưng vẫn đảm bảo các thông số chính của thiết bị.

No	Level of compliance	Evaluation
1.	General Requirement	
1.1	Bidder propose detail model of Magnetic Induction Ferrite Meter	Pass
	Bidder DON'T propose detail model of Magnetic Induction Ferrite Meter	Fail
1.2	Bidder propose detail Manufacturer's brand of Magnetic Induction Ferrite Meter	Pass
	Bidder DON'T propose detail Manufacturer's brand of Magnetic Induction Ferrite Meter	Fail
1.3	Year of manufacture of Magnetic Induction Ferrite Meter: 2025	Pass
	Year of manufacture of Magnetic Induction Ferrite Meter: 2024 or earlier	Fail
1.4	Bidder propose detail Country of origin of Magnetic Induction Ferrite Meter	Pass
	Bidder DON'T propose detail Country of origin of Magnetic Induction Ferrite Meter	Fail
1.5	Quantity of Magnetic Induction Ferrite Meter: 01 sets	Pass
	Quantity of Magnetic Induction Ferrite Meter: < > 01 sets	Fail
1.6	Magnetic Induction Ferrite Meter (hereafter referred to as “Equipment”) is used to determine the amount of ferrite in metal materials by using a magnetic field, enabling quick and non-destructive quality control of materials.	Pass
	Equipment does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
1.7	Equipment shall be manufactured in or after the year of issuance of invitation to bid, brand – new 100%. Equipment is not the customized model in comparison with manufacturer's standard (in published catalogue).	Pass
	Equipment does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
1.8	The brand of Equipment and the country of manufacture shall be from EU/G7.	Pass
	Equipment does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
1.9	Equipment is suitable for outdoor use and can operate in the tropical weather conditions with high humidity and salty (up to 85% relative humidity and the temperature up to 40°C).	Pass
	Equipment does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
2.	Detail Requirement	
A.	Main equipment (Instrument)	

No	Level of compliance	Evaluation
2.1	Measuring modes: Magnetic induction measurement method	Pass
	Measuring modes: not include Magnetic induction measurement method	Fail
2.2	Measurable coatings: <ul style="list-style-type: none"> - Determination of delta-ferrite content of austenitic and duplex steel - Determination of deformation martensite in austenitic materials - Finding weld seams in polished surfaces - Capturing a ferrite content profile along the weld seam 	Pass
	Measurable coatings do not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
2.3	Measurement Range: 0.1 – 80% Fe or 0.1 to 120 FN	Pass
	Measurement Range does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
2.4	Automatic measurement capture when placing probe on surface.	Pass
	Not have Automatic measurement capture when placing probe on surface.	Fail
2.5	Unit conversion: Switchable between WRC-FN and % Fe.	Pass
	Unit conversion does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
2.6	Minimum time between two measurements: ≤ 1 second in the free-running mode	Pass
	Minimum time between two measurements: > 1 second in the free-running mode	Fail
2.7	Minimum lift-off distance between two measurements: Minimum 8 mm	Pass
	Minimum lift-off distance between two measurements: < 8 mm	Fail
2.8	Delayed measurement capture: ≤ 3 seconds	Pass
	Delayed measurement capture: > 3 seconds	Fail
2.9	Display: Graphical display with cover glass	Pass
	Don't have Graphical display with cover glass	Fail
2.10	Measured readings: 20.000 readings	Pass
	Measured readings: < 20.000 readings	Fail
2.11	Accuracy: <ul style="list-style-type: none"> - 5 FN: ≤ 0.15 FN - 5.1 - 120 FN: ≤ 3 % of nominal value 	Pass
	Accuracy does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail

#

No	Level of compliance	Evaluation
2.12	Weight (with case): maximum 2 kg.	Pass
	Weight (with case): > 2 kg.	Fail
2.13	Language: English or Vietnamese.	Pass
	Language: not include English or Vietnamese.	Fail
B.	Probe & Calibration Standards Block	
2.14	The compatible probes shall be capable of measuring and should include, at a minimum, the following items: - For flat and curved surfaces.	Pass
	Probe does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
2.15	Calibration Standards Block includes standards about 0.3, 1.5, 10, 40, 80% Fe and a saturation standard 105% Fe.	Pass
	Calibration Standards Block does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
C.	Other Components and Accessories	
2.16	Connector: - Probe: 10-pin round plug - USB port for transferring a printer and a PC	Pass
	Connector does not meet one of the above-mentioned requirements.	Fail
2.17	Power Supply: - Battery charger: 100-230 V, 50/60 Hz. - Rechargeable battery with minimum 4 hours of continuous operation	Pass
	Equipment does not meet one of the above-mentioned requirements	Fail
2.18	Packing list: The equipment shall contain the following items as minimum: - Main equipment (Instrument). Quantity: 1pc - Calibration Standards Block. Quantity: 1pc - Lanyard. Quantity: 1pc - USB cable. Quantity: 1pc - Carrying Case. Quantity: 1pc	Pass
	Equipment does not meet one of the above-mentioned requirements	Fail
3.	Certificates Requirement	
3.1	Bidder confirms to provide the original Certificate of Origin (CO) issued by a Chamber of Commerce in Manufacturer's country or exporter's country.	Pass

No	Level of compliance	Evaluation
	Bidder confirms to provide the copy of Certificate of Origin (CO) issued by a Chamber of Commerce in Manufacturer's country or exporter's country.	Acceptable
	Bidder does not confirm to provide the Certificate of Origin (CO) as the above-mentioned requirements.	Fail
3.2	Bidder confirms to provide the Quality Certificate/ Certificate of Compliance issued by the manufacturer, certifying that the equipment supplied to PTSC M&C has been tested and meets all requirements as specified in the Order.	Pass
	Bidder confirms to provide the copy of Quality Certificate/ Certificate of Compliance issued by the manufacturer, certifying that the equipment supplied to PTSC M&C has been tested and meets all requirements as specified in the Order.	Acceptable
	Bidder does not confirm to provide the Quality Certificate/ Certificate of Compliance as the above-mentioned requirements.	Fail
3.3	Bidder confirms to provide the Original Calibration Certificate/Testing Certificate to provide: <ul style="list-style-type: none"> - Instrument - Probe - Calibration Standards Block 	Pass
	Bidder does not confirm to provide the Original Calibration Certificate/Testing Certificate to provide: <ul style="list-style-type: none"> - Instrument - Probe - Calibration Standards Block 	Fail
3.4	Bidder confirms to provide warranty certificate issued by manufacturer and/or supplier certifying that warranty time for minimum 12 months from the date of Protocol of Delivery and Acceptance.	Pass
	Bidder does not confirm to provide warranty certificate as the above-mentioned requirements.	Fail
4.	Document Requirement	
4.1	Bidder confirms to provide the Operation and maintenance manual (soft copy and hard copy).	Pass
	Bidder does not confirm to provide the Operation and maintenance manual (soft copy and hard copy).	Fail
4.2	Bidder confirms to provide the Trouble shooting, service (workshop) manual.	Pass
	Bidder does not confirm to provide the Trouble shooting, service (workshop) manual.	Fail

No	Level of compliance	Evaluation
5.	Tool Kit and Spare Parts	
5.1	Equipment shall be supplied with suitable toolkit (full set) for operation, repair and maintenance.	Pass
	Equipment shall not be supplied with suitable toolkit (full set) for operation, repair and maintenance.	Fail
5.2	Bidder confirms to provide the Spare-parts list (with serial number) in and after the time of warranty.	Pass
	Bidder does not confirm to provide the Spare-parts list (with serial number) in and after the time of warranty.	Fail
6.	Site Acceptance Test & Training	
6.1	Bidder confirms to provide the specialists/ trainers to carry out the testing and training for PTSC M&C's staff in operation, normal troubleshooting repair within minimum 01 working day at PTSC M&C's site.	Pass
	Bidder does not confirm to provide the specialists/ trainers to carry out the testing and training for PTSC M&C's staff in operation, normal troubleshooting repair within minimum 01 working day at PTSC M&C's site.	Fail
6.2	Bidder confirms the Site Acceptance Test at PTSC M&C's site shall be the bidder's scope.	Pass
	Bidder does not confirm the Site Acceptance Test at PTSC M&C's site shall be the bidder's scope.	Fail
7.	Delivery Time	
7.1	≤ 50 days after PO's effective day.	Pass
	> 50 days after PO's effective day.	Fail

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định giá dự thầu (chưa tính giảm giá);

Bước 2. Sửa lỗi (nếu có);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. BIỂU MẪU MỜI THẦU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU

Tên gói thầu: “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit”

Tên dự án: “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án”

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: cam kết thực hiện gói thầu “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit” theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____
[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm⁽¹⁾

Bảo đảm dự thầu: VNĐ (Bằng chữ:).⁽²⁾

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm⁽³⁾

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Chủ đầu tư;

3. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

4. Trường hợp được lựa chọn, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

5. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 26 - CDNT của HSMT.

6. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 - CDNT.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 13.1 - CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 - CDNT.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ____

Gói thầu: “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit”

Thuộc dự án: “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án”

Căn cứ ____

Căn cứ HSMT Gói thầu “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit” với số E-TBMT: ____

[Đăng tải trên Hệ thống]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit” thuộc dự án “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án”.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit” thuộc dự án “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án” đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng pháp nhân để nộp HSDT cho cả liên danh.

[*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
 2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit” thuộc dự án “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án” theo thông báo của Chủ đầu tư.
- Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 10, 11, 12, 13 Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit” thuộc dự án “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án”.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là VNĐ (Bằng chữ:)⁽²⁾.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ngày, kể từ ngày tháng ... năm⁽³⁾.

Chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là VNĐ (Bằng chữ:) khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 26 - CDNT;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu được lựa chọn, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không được lựa chọn, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn

phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Chúng tôi sẽ thanh toán cho Chủ Đầu tư theo Bảo lãnh dự thầu này trong vòng [ba (03)] ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ Đầu tư. Thuế hay các khoản phí khác phát sinh tại thời điểm thanh toán hay sau này sẽ không được tính/ trừ vào giá trị thanh toán cho Chủ Đầu tư.

Bảo lãnh thực hiện này được điều chỉnh và chi phối theo Pháp luật của nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, nếu Bên Mua và Ngân hàng không tự giải quyết được, phán quyết của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 13.2 - CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 13.1 - CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 - CDNT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 13.3 - CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit” thuộc dự án “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án”.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là VNĐ (Bằng chữ:)⁽²⁾.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ngày, kể từ ngày tháng ... năm⁽³⁾.

Chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là VNĐ (Bằng chữ:) khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 26 - CDNT;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

6. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13 CDNT của HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu được lựa chọn, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không được lựa chọn, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Chúng tôi sẽ thanh toán cho Chủ Đầu tư theo Bảo lãnh dự thầu này trong vòng [ba (03)] ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ Đầu tư. Thuế hay các khoản phí khác phát sinh tại thời điểm thanh toán hay sau này sẽ không được tính/ trừ vào giá trị thanh toán cho Chủ Đầu tư.

Bảo lãnh thực hiện này được điều chỉnh và chi phối theo Pháp luật của nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, nếu Bên Mua và Ngân hàng không tự giải quyết được, phán quyết của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 13.2 - CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 13.1 - CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 - CDNT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 13.3 - CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VNĐ
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất hàng hóa/ dịch vụ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VNĐ thì quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ ⁽¹⁾

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II.

Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ theo quy định tại tiêu chí đánh giá trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II.

Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ theo quy định tại tiêu chí đánh giá trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II; kể cả trường hợp nhà thầu vi phạm quy định của Hồ sơ mời thầu và bị tịch thu bảo đảm dự thầu đối với các gói thầu của Chủ đầu tư trong thời gian 12 tháng trước thời điểm đóng thầu do vi phạm một trong các quy định dưới đây.

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng.

STT	Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Chủ đầu tư	Địa chỉ	Nguyên nhân	Tổng giá trị hợp đồng
1							
2							
...							

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên kê khai theo Mẫu này.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
(Không áp dụng)

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1		<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
(Không áp dụng)

Thông tin nhân sự		Công việc hiện tại									
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chức chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN
(Không áp dụng)

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
	
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]			
2				
...	...			

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT		
	Năm 1: 2022	Năm 2: 2023	Năm 3: 2024
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm

mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế (nếu có);
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày giao hàng đầu tư yêu cầu giao hàng đối với hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
1	Máy đo nồng độ Ferrit	Máy	1	Số 65A đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh	50 ngày	

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	<i>(M)</i> <i>[Trích xuất từ Mẫu số 11]</i>
2	Dịch vụ liên quan	<i>(I)</i> <i>[Trích xuất từ Mẫu số 12]</i>
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	<i>(M) + (I)</i>

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)



BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả dịch vụ yêu cầu	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (4)x(7)
1	Chi phí vận chuyển nội địa đến công trường của Công ty DVCKHH	Lần	1	Số 65A, Đường 30/4, P. Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh	... ngày kể từ ngày ký hợp đồng		
2	Chi phí lắp đặt, đấu nối, kiểm tra, vận hành, chạy thử, nghiệm thu, hướng dẫn vận hành theo yêu cầu	Lần	1	Số 65A, Đường 30/4, P. Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh	... ngày kể từ ngày ký hợp đồng		
3	Các chi phí dịch vụ khác theo yêu cầu của HSMT	Lần	1	Số 65A, Đường 30/4, P. Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh	... ngày kể từ ngày ký hợp đồng		
Tổng chưa bao gồm VAT							
Thuế VAT (...%)							
TỔNG CỘNG bao gồm thuế VAT ...%							
(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							
(1)							

Ghi chú: - Nhà thầu nêu rõ mức thuế VAT trong biểu giá dự thầu.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ TRONG 1 NĂM VẬN HÀNH
THEO ĐỀ XUẤT CỦA NHÀ SẢN XUẤT
(Không bao gồm trong Giá dự thầu)

STT (1)	Danh mục (2)	Đơn vị tính (3)	Khối lượng (4)	Ký mã hiệu, nhãn hiệu (5)	Hãng sản xuất, xuất xứ (6)	Đơn giá (VNĐ) (7)	Thành tiền (VNĐ) (8)=(4)x(7)
Tổng chưa bao gồm VAT							
Thuế VAT (...%)							
TỔNG CỘNG bao gồm thuế VAT ...% <i>(Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							

Ghi chú: - Nhà thầu nêu rõ mức thuế VAT trong biểu giá dự thầu.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

(Số: _____-20.../PTSCMC-KH/MHH-V)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit”

Thuộc dự án: “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án”

Căn cứ nhu cầu mua của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC và khả năng cung cấp của Công ty

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-CKHH-KH-ALL ngày/.../..... của Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit” và Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng số/20.../CKHH-KH-.... ngày .../.../20...;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CƠ KHÍ HÀNG HẢI PTSC**

Địa chỉ: Số 31, Đường 30/4, Phường Tam Thẳng, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0254 – 3838 834

Fax: 0254 – 3838 170

E-mail: tuto@ptsc.com.vn

Tài khoản: 0081000085327 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương

Mã số thuế: 3500790168

Đại diện là Ông: **TÔ NGỌC TÚ**

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo các Phụ lục và các tài liệu kèm theo);
2. Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng;
3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ của Bên B (nếu có);
6. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi (nếu có);
7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Luật và ngôn ngữ:

Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt, đối với các yêu cầu kỹ thuật có thể sử dụng ngôn ngữ bằng Tiếng Anh.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán quy định tại Điều 6 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 6. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: VNĐ (*Bằng chữ:*), đã bao gồm thuế GTGT 10% và các loại thuế, phí khác. Trường hợp thuế GTGT thay đổi theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn thì Bên A và Bên B ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh tương ứng.

2. Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hai bên hoàn tất bàn giao nghiệm thu Hàng hóa theo đúng quy định của Hợp đồng, Phụ lục kèm theo của Hợp đồng này và Bên B giao cho Bên A đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ, cụ thể như sau:

- a. Bản gốc **Biên bản nghiệm thu - bàn giao Hàng hóa** (sau khi lắp đặt, chạy thử) được ký giữa đại diện của Hai Bên để xác nhận việc Hàng hóa đã được Bên B bàn giao và Bên A đã nhận Hàng hóa theo đúng quy định của Hợp đồng, Phụ lục 01 và 02 của Hợp đồng này.
- b. Một bản gốc bảo lãnh bảo hành với số tiền 5% tổng giá trị Hợp đồng được Bên A chấp nhận do Ngân hàng có uy tín của Bên B phát hành.
- c. Một bộ bản gốc hóa đơn thuế GTGT hợp lệ với giá trị tương ứng 100% giá trị Hợp đồng.
- d. Một bản gốc công văn đề nghị thanh toán của Bên B.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 7. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng ngày kể từ ngày hiệu lực hợp đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng được hiểu là thời gian để nhà thầu hoàn thành toàn bộ việc giao hàng, lắp đặt, đấu nối, kiểm tra, vận hành, chạy thử, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng theo quy định hợp đồng. Hàng hóa giao trước hạn được chấp thuận.

Điều 9. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng.
 - Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói.
 - Thay đổi địa điểm giao hàng.
 - Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.
 - Thay đổi do trường hợp bất khả kháng (ngoại trừ do xung đột Nga – Ukraine, Hamas – Israel).

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi hợp đồng có hiệu lực.
 - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc. Trường hợp Bên B nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 15 Chương III của Hồ sơ mời thầu).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng, tương đương trị giáVNĐ (Bằng chữ:).

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai Bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có thời hạn tối thiểu ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hàng hóa được bàn giao, hai Bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác: Khắc phục các tồn đọng trong quá trình nghiệm thu quá 30 ngày kể từ ngày phát hiện tồn đọng.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A

có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 12. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 13. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ quy định tại Điều 8 hợp đồng này.

2. Đóng gói hàng hóa: Bên B sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nêu trong hợp đồng phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

3. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển, bàn giao, lắp đặt, kiểm tra, chạy thử và nghiệm thu hàng hóa tại kho của Bên A tại Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC, Số 65A, Đường 30-4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Địa điểm giao hàng”).

4. Bên A có trách nhiệm chuẩn bị mặt bằng, cơ sở hạ tầng lắp đặt hàng hóa trước khi hàng hóa về tới công trình dựa trên các thông tin mà Bên B cung cấp, bao gồm: mặt bằng lắp đặt, móng thiết bị, đường ống công nghệ kết nối với thiết bị, đường điện nguồn cấp tới điểm đấu nối của tủ điện trong máy nếu cần.

5. Trường hợp Bên A chưa hoàn tất công tác chuẩn bị cho việc lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu theo yêu cầu, Bên B sẽ không bị tính thời gian chậm lắp đặt chạy thử, nghiệm thu theo quy định hợp đồng.

6. Trước thời gian giao hàng tám (08) giờ làm việc, Bên B có trách nhiệm thông báo chính xác thời điểm giao hàng để Bên A chuẩn bị nhân lực, phương tiện, bến bãi để kiểm tra tiếp nhận. Đồng thời, Bên A xác nhận ngày nghiệm thu và cung cấp danh sách nhân sự có thẩm quyền và nhiệm vụ nhận bàn giao và hướng dẫn vận hành, chạy thử. Ngoài ra trong vòng 01 tuần sau ngày hiệu lực hợp đồng, Bên B phải gửi Bên A bảng theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B có trách nhiệm báo cáo tiến độ chi tiết cho Bên A 2 tuần/ lần và cung cấp các tài liệu, hình ảnh chứng minh cho tiến độ mà Bên B báo cáo.

7. Bên B chịu mọi trách nhiệm và chi phí để thực hiện việc vận chuyển Hàng hóa đến, hạ, giao hàng, lắp đặt và nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng tại Địa điểm giao hàng theo quy định hợp đồng.

8. Bên A chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra tiếp nhận hàng hóa ngay sau khi Bên B giao Hàng. Bên A cung cấp các thiết bị mà Bên A có để phục vụ cho việc chạy thử, nghiệm thu thiết bị tại Địa điểm giao hàng.

9. Bên B đảm bảo trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các phương tiện thiết bị bảo đảm

an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ cho con người, thiết bị trong quá trình lắp đặt và chạy thử, nghiệm thu. Chịu sự giám sát và nghiêm túc tuân thủ chỉ dẫn, yêu cầu của giám sát an toàn Bên A trong việc đảm bảo an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, giữ vệ sinh môi trường từ khi giao hàng đến khi hoàn tất việc nghiệm thu và bàn giao hàng hóa. Đảm bảo người của Bên B tham gia lắp đặt, nghiệm thu tại công trường của Bên A phải được tham gia đầy đủ các khóa huấn luyện an toàn, học an toàn đầu giờ, định kỳ hàng tuần. Phối hợp với Bên A giữ gìn an ninh trật tự trong khu vực thi công. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo an toàn trên công trường của Bên A cho tất cả các thiệt hại, hư hỏng, mất mát về vật tư, thiết bị, máy móc và con người... do lỗi của Bên B gây ra.

10. Hai Bên sẽ cử cán bộ tham gia kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa tại Địa điểm giao hàng để đảm bảo hàng hóa có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Hàng hóa chỉ được xem là đạt yêu cầu khi hai Bên xác định là hàng hóa hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu được quy định trong hợp đồng. Mọi chi phí cho việc kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa sẽ do Bên B chịu.

11. Nếu tại thời điểm giao hàng và/hoặc trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu và/hoặc sau khi bàn giao mà Bên A phát hiện Bên B giao hàng không đúng quy định và/hoặc hàng hóa có bất kỳ điểm sai khác nào so với chủng loại, đặc tính kỹ thuật quy định trong hợp đồng và/hoặc có bất kỳ sự hư hỏng, khiếm khuyết, ẩn tì, sai khác nào vô tình hay cố ý, Bên A có quyền không xác nhận nghiệm thu hàng hóa. Trong trường hợp này, Bên B phải thực hiện khắc phục sai khác, thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, bàn giao lại cho Bên A và phải chịu phạt như quy định trong hợp đồng. Trường hợp Bên B không có khả năng khắc phục sai khác, thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 14. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định trong hợp đồng.

Điều 15. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Thời hạn bảo hành là ... tháng được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu. Trong vòng 03 (ba) ngày kể từ khi Bên A thông báo cho Bên B về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh của hàng hóa, Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật. Chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, hoặc thay thế (nếu có) sẽ do Bên B chịu.

3. Sau khi hàng hóa được chuyển sang giai đoạn bảo hành (hai Bên đã hoàn tất ký biên bản kiểm tra nghiệm thu hàng hóa), trong vòng 05 (năm) ngày Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc Giấy bảo lãnh bảo hành được Bên A chấp nhận do Ngân hàng có uy tín của Bên B phát hành tương đương 5% tổng giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có thời hạn ... tháng kể từ ngày phát hành sau khi hai bên ký biên bản kiểm tra nghiệm thu hàng

hóa.

4. Bên A sẽ hoàn trả lại Giấy bảo lãnh bảo hành cho Bên B trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi Bên B hoàn tất tất cả các nghĩa vụ của hợp đồng và Bên A nhận được đề nghị hoàn trả lại Giấy bảo lãnh bảo hành của Bên B.

5. Trong trường hợp Bên B nộp bảo lãnh bảo hành bằng tiền mặt sẽ được Bên A căn trừ vào giá trị thanh toán cho Bên B tại đợt thanh toán cuối cùng và Bên A sẽ hoàn trả lại số tiền bảo lãnh bảo hành cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi Bên B hoàn tất tất cả các nghĩa vụ của hợp đồng và Bên A nhận được đề nghị hoàn trả lại tiền bảo lãnh bảo hành của Bên B.

Điều 16. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.

Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,1%/tuần giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị hợp đồng. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Trường hợp hai Bên không tự giải quyết được mới đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết, phán quyết của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là quyết định cuối cùng mà hai Bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do Bên thua kiện chịu.

Điều 18. Bất khả kháng

1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại

nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 19. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày

Văn bản Hợp đồng là một bộ hoàn chỉnh có ... trang bao gồm: ... trang Hợp đồng chính, ... trang Phụ lục 01 – Bảng giá hợp đồng, ... trang Phụ lục 02 – Danh mục hàng hóa theo hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 02 bộ, Chủ đầu tư giữ 01 bộ, Nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ
CƠ KHÍ HÀNG HẢI PTSC

NHÀ THẦU

PHỤ LỤC 01

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số, ngày tháng năm))

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền (VNĐ)
1	Hàng hóa	
2	Dịch vụ liên quan	
Tổng cộng giá hợp đồng (Kết chuyển sang Điều 6 hợp đồng)		

Các giá trị nêu trên là đã bao gồm thuế VAT% và tất cả các loại thuế, phí khác.

BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ) (Cột 4x6)
1						
Tổng chưa bao gồm VAT						
Thuế VAT (...%)						
Tổng cộng giá hàng hóa đã bao gồm thuế VAT% và tất cả các loại thuế, phí khác. (Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)						

BẢNG GIÁ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6
Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ) (Cột 2x5)
Tổng chưa bao gồm VAT					
Thuế VAT (...%)					
Tổng giá các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế VAT% và tất cả các loại thuế, phí khác. <i>(Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)</i>					



PHỤ LỤC 02
DANH MỤC HÀNG HÓA THEO HỢP ĐỒNG
(Kèm theo Hợp đồng số, ngày ... tháng ... năm)

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

(sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã được lựa chọn cho gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 26.1 - CDNT của HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Chủ Đầu tư có quyền yêu cầu thanh toán từng phần theo giá trị của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này, miễn là, tất cả các thông báo yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng không chậm hơn ngày hết hạn hiệu lực. Giá trị của Bảo lãnh sẽ được trừ đi tương ứng với giá trị từng phần đã được thanh toán và vẫn có giá trị hiệu lực cho đến ngày hết hạn hiệu lực và/ hoặc ngày đã thanh toán hết giá trị Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Chúng tôi sẽ thanh toán cho Chủ Đầu tư theo Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này trong vòng [ba (03)] ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ Đầu tư. Thuế hay các khoản phí khác phát sinh tại thời điểm thanh toán hay sau này sẽ không được tính/ trừ vào giá trị thanh toán cho Chủ Đầu tư.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Hết thời hạn Bảo lãnh nói trên, Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ không còn giá trị hiệu lực.

Bảo lãnh thực hiện này được điều chỉnh và chi phối theo Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, nếu Bên Mua và Ngân hàng không tự giải quyết được, phán quyết của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Nhà thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu được lựa chọn cho gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 26.1 - CDNT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

(sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽¹⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định]*.

Chủ Đầu tư có quyền yêu cầu thanh toán từng phần theo giá trị của Bảo lãnh tạm ứng này, miễn là, tất cả các thông báo yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng không chậm hơn ngày hết hạn hiệu lực. Giá trị của Bảo lãnh sẽ được trừ đi tương ứng với giá trị từng phần đã được thanh toán và vẫn có giá trị hiệu lực cho đến ngày hết hạn hiệu lực và/ hoặc ngày đã thanh toán hết giá trị Bảo lãnh tạm ứng.

Chúng tôi sẽ thanh toán cho Chủ Đầu tư theo Bảo lãnh tạm ứng này trong vòng [ba (03)] ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ Đầu tư. Thuế hay các khoản phí khác phát sinh tại thời điểm thanh toán hay sau này sẽ không được tính/ trừ vào giá trị thanh toán cho Chủ Đầu tư.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽²⁾.

Bảo lãnh thực hiện này được điều chỉnh và chi phối theo Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, nếu Chủ Đầu tư và Ngân hàng không tự giải quyết được, phán quyết của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(2) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự án: “Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án”.
- Tên gói thầu: Mua 1 máy đo nồng độ Ferrit
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.
- Mục tiêu đầu tư: Phục vụ thi công các dự án của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.
- Đòi dự án: 06 năm.
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Số 65A, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguồn vốn đầu tư:
 - + Vốn chủ sở hữu : 100%.
 - + Vốn vay : 0%.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
- Thời gian thực hiện gói thầu:
 - + Bắt đầu : Dự kiến Quý III/2025.
 - + Hoàn thành : Dự kiến Quý IV/2025.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

Yêu cầu về kỹ thuật và một số dịch vụ liên quan của hàng hóa được nêu chi tiết tại cột (2) Bảng yêu cầu kỹ thuật bên dưới.

Căn cứ theo yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa nêu tại cột (2) Bảng yêu cầu kỹ thuật bên dưới, nhà thầu **phải đề xuất thông số kỹ thuật của hàng hóa mà nhà thầu chào tại cột (3)** (tài liệu đề xuất này gọi là *Bảng đề xuất thông số kỹ thuật*) để Chủ đầu tư đánh giá. Khi đề xuất thông số kỹ thuật nhà thầu phải đề xuất chi tiết, rõ ràng và đầy đủ thông tin theo yêu cầu, hạn chế đề xuất ngắn ngọn nhưng không đủ thông tin như “Đáp ứng”, “Đạt”, “Confirmed”, “Comply”, Cơ sở để xem xét đánh giá là HSDT của Nhà thầu và các tài liệu kỹ thuật (catalogue, hướng dẫn đặt hàng, hướng dẫn vận hành bảo dưỡng, thư xác nhận từ nhà sản xuất,...) chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa đối với các yêu cầu đặt ra trong HSMT. Đối với các thông số kỹ thuật mà trong Catalogue không đề cập, nhà thầu nên có thư xác nhận của nhà sản xuất cho các thông số này.

No.	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)	(3)
1.	General Requirement	
1.1	Model of Magnetic Induction Ferrite Meter	
1.2	Manufacturer's brand of Magnetic Induction Ferrite Meter	

No.	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
1.3	Year of manufacture of Magnetic Induction Ferrite Meter	
1.4	Country of origin of Magnetic Induction Ferrite Meter	
1.5	Quantity of Magnetic Induction Ferrite Meter: 1 set	
1.6	Magnetic Induction Ferrite Meter (hereafter referred to as “Equipment”) is used to determine the amount of ferrite in metal materials by using a magnetic field, enabling quick and non-destructive quality control of materials.	
1.7	Equipment shall be manufactured in or after the year of issuance of invitation to bid, brand – new 100%. Equipment is not the customized model in comparison with manufacturer’s standard (in published catalogue).	
1.8	The brand of Equipment and the country of manufacture shall be from EU/G7.	
1.9	Equipment is suitable for outdoor use and can operate in tropical weather conditions with high humidity and salty (up to 85% relative humidity and the temperature up to 40°C).	
2.	Detail Requirement	
A.	Main equipment (Instrument)	
2.1	Measuring modes: Magnetic induction measurement method	
2.2	Measurable coatings: <ul style="list-style-type: none"> - Determination of delta-ferrite content of austenitic and duplex steel - Determination of deformation martensite in austenitic materials - Finding weld seams in polished surfaces - Capturing a ferrite content profile along the weld seam 	
2.3	Measurement Range: 0.1 – 80% Fe or 0.1 to 120 FN	
2.4	Automatic measurement capture when placing probe on surface.	
2.5	Unit conversion: Switchable between WRC-FN and % Fe.	
2.6	Minimum time between two measurements: ≤ 1 second in the free-running mode	
2.7	Minimum lift-off distance between two measurements: Minimum 8 mm	
2.8	Delayed measurement capture: ≤ 3 seconds	
2.9	Display: Graphical display with cover glass	
2.10	Measured readings: 20.000 readings	
2.11	Accuracy: <ul style="list-style-type: none"> - 5 FN: ≤ 0.15 FN 	

No.	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
	5.1 - 120 FN: $\leq 3\%$ of nominal value	
2.12	Weight (with case): maximum 2 kg.	
2.13	Language: English or Vietnamese	
B.	Probe & Calibration Standards Block	
2.14	<p>The compatible probes shall be capable of measuring and should include, at a minimum, the following items:</p> <ul style="list-style-type: none"> - For flat and curved surfaces. - Inside pipes or boreholes (minimum insertion diameter: 9mm) (Optional) - Angled probe for flat surfaces, pipes, boreholes, and gaps (Optional) 	
2.15	Calibration Standards Block includes standards about 0.3, 1.5, 10, 40, 80% Fe and a saturation standard 105% Fe.	
C.	Other Components and Accessories	
2.16	<p>Connector:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Probe: 10-pin round plug <p>USB port for transferring a printer and a PC</p>	
2.17	<p>Power Supply:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Battery charger: 100-230 V, 50/60 Hz. <p>Rechargeable battery with minimum 4 hours of continuous operation.</p>	
2.18	<p>Packing list:</p> <p>The equipment shall contain the following items as minimum:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Main equipment (Instrument). Quantity: 1pc - Calibration Standards Block. Quantity: 1pc - Lanyard. Quantity: 1pc - USB cable. Quantity: 1pc <p>Carrying Case. Quantity: 1pc</p>	
3.	Certificates Requirement	
3.1	Certificate of Origin issued by a Chamber of Commerce (CO) in Manufacturer's country or exporter's country.	
3.2	Quality Certificate/ Certificate of Compliance issued by the manufacturer, certifying that the equipment supplied to PTSC M&C has been tested and meets all requirements as specified in the Order.	
3.3	<p>Original Calibration Certificate/Testing Certificate to provide:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Instrument - Probe - Calibration Standards Block 	

No.	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
3.4	Warranty certificate issued by manufacturer and/or supplier certifying that warranty time for minimum 12 months from the date of Protocol of Delivery and Acceptance.	
4.	Document Requirement	
4.1	Operation and maintenance manual (soft copy and hard copy).	
4.2	Troubleshooting, service (workshop) manual. (soft copy and hard copy).	
5.	Tool Kit and Spare Parts	
5.1	The first 12 months of operating spare parts (with serial number) shall be included (Optional Scope).	
5.2	Equipment shall be supplied with suitable toolkit (full set) for operation, repair and maintenance.	
5.3	Spare-parts list (with serial number) must be provided in and after the time of warranty.	
13.	Site Acceptance Test & Training	
6.1	Bidder provide the specialists/ trainers to carry out the testing and training for PTSC M&C's staff in operation, normal troubleshooting repair within minimum 01 working day at PTSC M&C's site.	
6.2	Site Acceptance Test at PTSC M&C's site shall be the bidder's scope. PTSC M&C will supply common tools, direct manpower, and existing facilities during the testing and commissioning stage.	
7.	Delivery Time	
7.1	50 days after PO's effective day.	

Mục 2. Bản vẽ

HSMT này không có bản vẽ